

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

---

**Hà Nội - Tháng 03 năm 2023**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Dầu khí Petrolimex trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1805/2003/QĐ-BTM ngày 24/12/2003 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101466968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/3/2004, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ chín (09) ngày 01/4/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 (chín) ngày 01/4/2022 là: 12.150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Petrolimex Engineering Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PEC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là PLE.

Trụ sở chính của Công ty: Số 149 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Dương Đức Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Ông Hà Dương Thanh	Thành viên
Ông Vũ Cường	Thành viên
Ông Dương Thanh Tùng	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Vũ Thị Ngọc Thoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huê	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Thành Nam	Giám đốc
Ông Hà Dương Thanh	Phó Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc Công ty,



**Nguyễn Thành Nam**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Số: 111/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex, được lập ngày 06/3/2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 09/3/2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần..



---

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

---

**Vũ Xuân Hùng****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>51.455.899.313</b>	<b>62.568.169.808</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>6.709.238.888</b>	<b>9.116.744.194</b>
1. Tiền	111		4.709.238.888	7.516.744.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	1.600.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.950.000.000</b>	<b>21.024.893.166</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	17.950.000.000	21.024.893.166
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.124.888.882</b>	<b>25.181.544.937</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	15.893.904.007	17.569.175.390
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.395.140.594	2.228.407.594
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	12.032.648.129	11.896.459.302
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(7.196.803.848)	(6.512.497.349)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>4.671.771.543</b>	<b>7.137.942.994</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.750.371.652	7.216.543.103
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(78.600.109)	(78.600.109)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>107.044.517</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	107.044.517
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220)	<b>200</b>		<b>8.879.583.259</b>	<b>9.459.908.042</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.608.000.000</b>	<b>1.608.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.608.000.000	1.608.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.271.583.259</b>	<b>7.851.908.042</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.667.357.719	4.235.005.942
- Nguyên giá	222		9.612.423.638	9.578.796.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.945.065.919)	(5.343.790.423)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.604.225.540	3.616.902.100
- Nguyên giá	228		3.739.181.700	3.739.181.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(134.956.160)	(122.279.600)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>60.335.482.572</b>	<b>72.028.077.850</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310)	<b>300</b>		<b>39.212.153.415</b>	<b>51.409.688.191</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.212.153.415</b>	<b>51.409.688.191</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.335.667.459	10.582.826.406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	18.035.525.641	17.051.295.264
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.228.410.225	1.035.557.238
4. Phải trả người lao động	314		5.013.061.363	6.421.281.669
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	52.590.552	1.502.793.634
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.999.537.252	2.976.620.585
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	9.089.719.403	10.531.002.324
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	796.309.551
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		457.641.520	512.001.520
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>21.123.329.157</b>	<b>20.618.389.659</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>21.123.329.157</b>	<b>20.618.389.659</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.150.000.000	12.150.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.150.000.000	12.150.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.374.889.659	7.315.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.598.439.498	1.153.389.659
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.598.439.498	1.153.389.659
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>60.335.482.572</b>	<b>72.028.077.850</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán

Giám đốc



Phạm Trọng Tĩnh

Phạm Trọng Tĩnh

Nguyễn Thành Nam



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	41.940.256.369	50.115.892.451
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		41.940.256.369	50.115.892.451
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	34.329.489.177	43.602.717.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		7.610.767.192	6.513.175.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.018.796.892	728.747.715
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.078.486	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		1.406.369.500	2.030.003.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.955.016.337	3.830.215.482
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.267.099.761	1.381.704.344
11. Thu nhập khác	31	6.6	802.560.202	530.028
12. Chi phí khác	32	6.6	8.710.590	1.727.327
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	793.849.612	(1.197.299)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.060.949.373	1.380.507.045
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	462.509.875	227.117.386
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.598.439.498	1.153.389.659
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.316	949

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán

Giám đốc







Phạm Trọng Tĩnh

Phạm Trọng Tĩnh

Nguyễn Thành Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.060.949.373	1.380.507.045
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		613.952.056	646.318.536
- Các khoản dự phòng	03		684.306.499	1.067.731.121
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.024.310	(717.401)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.018.796.892)	(728.030.314)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.341.435.346	2.365.808.987
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.437.588.600	2.031.615.531
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.466.171.451	(2.007.288.986)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.347.427.212)	2.893.281.998
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(258.257.439)	(227.640.365)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(54.360.000)	(148.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.414.849.254)	4.907.077.165
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.627.273)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(9.403.329.866)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.074.893.166	4.526.382.357
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.060.602.365	986.181.062
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.101.868.258	(3.890.766.447)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.093.500.000)	(1.579.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.093.500.000)	(1.579.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.406.480.996)	(563.189.282)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.116.744.194	9.679.216.075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.024.310)	717.401
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.709.238.888	9.116.744.194

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán

Giám đốc







Phạm Trọng Tĩnh

Phạm Trọng Tĩnh

Nguyễn Thành Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Dầu khí Petrolimex trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1805/2003/QĐ-BTM ngày 24/12/2003 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101466968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/3/2004, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ chín (09) ngày 01/4/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 ngày 01/4/2022 là: 12.150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Petrolimex Engineering Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PEC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là PLE.

Trụ sở chính của Công ty: Số 149 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động Công ty tại ngày 31/12/2022 là 59 người (tại ngày 31/12/2021 là 63 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Tư vấn khảo sát, thiết kế dự án;
- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình hóa dầu, hóa chất, kho xăng, dầu, khí hóa lỏng;
- Thi công nhận diện thương hiệu, kinh doanh alumex;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Tư vấn, khảo sát, thiết kế dự án.

**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex - XN Dịch vụ kỹ thuật, xây lắp và thương mại	Thành phố Hà Nội
Chi nhánh phía Nam - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Petrolimex (TP Hà Nội)	TP Hồ Chí Minh

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền. một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao chi tiết như sau:

	<u>(Số năm)</u>
Phần mềm máy vi tính	05 - 08
Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 81, đường 47, phường Tân Quy, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Không trích khấu hao

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là các chi phí bảo hành công trình.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích các quỹ sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ, bán hàng và xây lắp.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu xây dựng***

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

***Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn sản phẩm, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính là Tư vấn, khảo sát, thiết kế dự án và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	264.973.163	234.317.132
Tiền gửi ngân hàng	4.444.265.725	7.282.427.062
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	1.600.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>1.600.000.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>6.709.238.888</b>	<b>9.116.744.194</b>

(\*) Bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại có thời hạn không quá 3 tháng, lãi suất 01-6%/năm.

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>17.950.000.000</b>	<b>17.950.000.000</b>	<b>21.024.893.166</b>	<b>21.024.893.166</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	17.950.000.000	17.950.000.000	21.024.893.166	21.024.893.166
<b>Tổng</b>	<b>17.950.000.000</b>	<b>17.950.000.000</b>	<b>21.024.893.166</b>	<b>21.024.893.166</b>

Đơn vị tính: VND

Tiền gửi có kỳ hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6-12 tháng với lãi suất từ 4,85%-9,5%/năm.

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.893.904.007</b>	<b>17.569.175.390</b>
Công ty xăng dầu Tiền Giang	315.305.000	1.769.402.000
Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.924.179.543	1.924.179.543
Các khách hàng khác	13.654.419.464	13.875.593.847
<b>Tổng</b>	<b>15.893.904.007</b>	<b>17.569.175.390</b>
Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	3.491.491.589	8.474.528.016



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.395.140.594</b>	<b>2.228.407.594</b>
Công ty cổ phần Xây dựng điện và thương mại Asian	-	339.060.000
Công ty TNHH Phương Việt Tuấn	-	580.200.000
Công ty cổ phần Xây dựng Reco	318.500.000	-
Công ty TNHH TV và DV Thành Công Việt Nam	222.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư Cảng biển Việt Nam	217.452.950	217.452.950
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Vinasa	200.000.000	200.000.000
Các khách hàng khác	437.187.644	891.694.644
<b>Tổng</b>	<b>1.395.140.594</b>	<b>2.228.407.594</b>
Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	15.572.544	15.572.544

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.032.648.129</b>	-	<b>11.896.459.302</b>	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	54.899.919	-
Tạm ứng	3.054.401.187	-	3.263.957.002	-
Phải thu khác	8.978.246.942	-	8.577.602.381	-
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh (*)</i>	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
<i>Lãi dự thu</i>	25.517.624	-	67.323.097	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.952.729.318	-	1.510.279.284	-
<b>Dài hạn</b>	<b>1.608.000.000</b>	-	<b>1.608.000.000</b>	-
Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An (**)	1.608.000.000	-	1.608.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>13.640.648.129</b>	-	<b>13.504.459.302</b>	-

(\*): Khoản đặt cọc của Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/Petrolimex/Trảng An ký ngày 06/5/2017. Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn (tài khoản phong tỏa) tại ngân hàng, toàn bộ số lãi phát sinh sẽ được hoàn trả cho Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An.

(\*\*): Giá trị phần tài sản trên đất do Công ty góp theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/Petrolimex/Trảng An ký ngày 06/5/2017 để thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và căn hộ ở tại số 149 Trường Chinh, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội. Trong trường hợp hợp đồng chấm dứt trước thời hạn (do các bên thỏa thuận; Bên B không có văn bản chấp thuận chủ trương; cơ quan nhà nước có văn bản từ chối các bên được hợp tác đầu thực hiện dự án; khu đất và tài sản trên đất bị trưng mua) thì bên B phải thanh toán chi phí tài chính hoặc xây dựng và hoàn trả diện tích văn phòng cho bên A với điều kiện tương đương.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.6 Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	8.734.243.378	1.537.439.530	7.917.593.342	1.405.095.993
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty cổ phần kho cảng và xây dựng Hàng không Miền Nam	-	-	-	1.177.000.000
Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	-	-	-	1.924.178.543
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ kho ngoại quan Cần Thơ	-	-	-	523.883.000
Các đối tượng khác	1.600.685.193	396.044.246	878.904.055	2.233.548.341
<b>Tổng</b>	<b>1.600.685.193</b>	<b>396.044.246</b>	<b>878.904.055</b>	<b>5.858.609.884</b>

**5.7 Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.076.699.508	-	3.820.081.527	-
Hàng hóa	1.673.672.144	(78.600.109)	3.396.461.576	(78.600.109)
<b>Tổng</b>	<b>4.750.371.652</b>	<b>(78.600.109)</b>	<b>7.216.543.103</b>	<b>(78.600.109)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2022	4.951.107.300	389.628.890	4.238.060.175	9.578.796.365
Tăng trong năm	-	33.627.273	-	33.627.273
Mua trong năm	-	33.627.273	-	33.627.273
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<b>4.951.107.300</b>	<b>423.256.163</b>	<b>4.238.060.175</b>	<b>9.612.423.638</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2022	2.223.153.824	335.572.395	2.785.064.204	5.343.790.423
Tăng trong năm	196.044.288	30.799.204	374.432.004	601.275.496
Khấu hao trong năm	196.044.288	30.799.204	374.432.004	601.275.496
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<b>2.419.198.112</b>	<b>366.371.599</b>	<b>3.159.496.208</b>	<b>5.945.065.919</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2022	2.727.953.476	54.056.495	1.452.995.971	4.235.005.942
Tại 31/12/2022	<b>2.531.909.188</b>	<b>56.884.564</b>	<b>1.078.563.967</b>	<b>3.667.357.719</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 589.479.156 VND (tại ngày 31/12/2021 là 589.479.156 VND).

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2022	3.600.000.000	139.181.700	3.739.181.700
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<b>3.600.000.000</b>	<b>139.181.700</b>	<b>3.739.181.700</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2022	-	122.279.600	122.279.600
Tăng trong năm	-	12.676.560	12.676.560
Khấu hao trong năm	-	12.676.560	12.676.560
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	-	<b>134.956.160</b>	<b>134.956.160</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2022	3.600.000.000	16.902.100	3.616.902.100
Tại 31/12/2022	<b>3.600.000.000</b>	<b>4.225.540</b>	<b>3.604.225.540</b>

Quyền sử dụng đất là chi phí để có quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty đất lâu dài tại số 81, đường 47, phường Tân Quy, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 37.769.200 VND (tại ngày 31/12/2021 là: 37.769.200 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.335.667.459</b>	<b>2.335.667.459</b>	<b>10.582.826.406</b>	<b>10.582.826.406</b>
Công ty TNHH Triều Chen	-	-	4.993.710.536	4.993.710.536
Công ty TNHH Thương mại Gia Phát AD	-	-	3.344.871.096	3.344.871.096
Công ty TNHH Âm thực Ngôi sao Việt	613.440.000	613.440.000	-	-
Công ty TNHH Đức Mạnh Phú Thọ	262.671.600	262.671.600	-	-
Công ty TNHH MTV Loan Nguyễn	269.658.720	269.658.720	-	-
Công ty TNHH Thiết bị đầu khí Quốc phòng Việt Nam	237.022.000	237.022.000	537.022.000	537.022.000
Các khách hàng khác	952.875.139	952.875.139	1.707.222.774	1.707.222.774
<b>Tổng</b>	<b>2.335.667.459</b>	<b>2.335.667.459</b>	<b>10.582.826.406</b>	<b>10.582.826.406</b>

**5.11 Người mua trả tiền trước**31/12/2022  
VND01/01/2022  
VND

<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.035.525.641</b>	<b>17.051.295.264</b>
Công ty TNHH Nhựa Long Vương	4.023.200.000	-
Các khách hàng khác	14.012.325.641	17.051.295.264
<b>Tổng</b>	<b>18.035.525.641</b>	<b>17.051.295.264</b>
Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<b>874.129.125</b>	<b>2.306.452.032</b>

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	Số phải nộp		Số đã nộp	
	01/01/2022	trong năm	trong năm	31/12/2022
<b>Phải nộp</b>	<b>1.035.557.238</b>	<b>4.476.774.296</b>	<b>4.283.921.309</b>	<b>1.228.410.225</b>
Thuế giá trị gia tăng	971.276.605	1.924.142.893	1.911.190.183	984.229.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.178.811	462.509.875	258.257.439	216.431.247
Thuế thu nhập cá nhân	52.101.822	736.130.425	760.482.584	27.749.663
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.348.991.103	1.348.991.103	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.13 Chi phí phải trả**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>52.590.552</b>	<b>1.502.793.634</b>
Chi phí trích trước các công trình	52.590.552	1.502.793.634
<b>Tổng</b>	<b>52.590.552</b>	<b>1.502.793.634</b>

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.089.719.403</b>	<b>10.531.002.324</b>
Kinh phí công đoàn	1.067.664.913	896.732.822
Công ty cổ phần Thương mại đô thị Trảng An (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty cổ phần Thương mại đô thị Trảng An (tiền lãi ký quỹ)	389.072.680	-
Ông Đinh Ngọc Thành	-	2.157.046.490
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	41.610.000
Các khoản phải trả khác	632.981.810	435.613.012
<b>Tổng</b>	<b>9.089.719.403</b>	<b>10.531.002.324</b>

Trong đó: phải trả các bên liên quan,  
(chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

80.394.000                      41.610.000

(\*): Giá trị Công ty nhận đặt cọc của Công ty cổ phần Thương mại Đô thị Trảng An để đảm bảo thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và căn hộ ở tại số 149 Trường Chinh, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>12.150.000.000</b>	<b>6.915.000.000</b>	<b>2.194.204.471</b>	<b>21.259.204.471</b>
Lãi trong năm trước	-	-	1.153.389.659	1.153.389.659
Phân phối lợi nhuận	-	400.000.000	(2.194.204.471)	(1.794.204.471)
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>12.150.000.000</b>	<b>7.315.000.000</b>	<b>1.153.389.659</b>	<b>20.618.389.659</b>
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>12.150.000.000</b>	<b>7.315.000.000</b>	<b>1.153.389.659</b>	<b>20.618.389.659</b>
Lãi trong năm nay	-	-	1.598.439.498	1.598.439.498
Trích lập các quỹ (*)	-	59.889.659	(59.889.659)	-
Chia trả cổ tức 2021 (*)	-	-	(1.093.500.000)	(1.093.500.000)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>12.150.000.000</b>	<b>7.374.889.659</b>	<b>1.598.439.498</b>	<b>21.123.329.157</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 034/2022/PEC-HĐQT-NQ ngày 15/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2021 được phân phối như sau: Chia cổ tức: 1.093.500.000 VND (tương ứng 9% vốn điều lệ); Quỹ đầu tư phát triển: 59.889.659 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	6.196.500.000	6.196.500.000
Các Cổ đông khác	5.953.500.000	5.953.500.000
<b>Tổng</b>	<b>12.150.000.000</b>	<b>12.150.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	12.150.000.000	12.150.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	12.150.000.000	12.150.000.000
Cổ tức, Lợi nhuận đã chia	1.093.500.000	1.579.500.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.215.000</b>	<b>1.215.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.215.000</b>	<b>1.215.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.215.000	1.215.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.215.000</b>	<b>1.215.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.215.000	1.215.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tư vấn; thi công biển nhận diện thương hiệu	41.940.256.369	50.115.892.451
<b>Tổng</b>	<b>41.940.256.369</b>	<b>50.115.892.451</b>
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	21.155.405.044	25.287.928.544

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn hoạt động tư vấn; thi công biển nhận diện thương hiệu	34.329.489.177	43.602.717.340
<b>Tổng</b>	<b>34.329.489.177</b>	<b>43.602.717.340</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.018.796.892	728.030.314
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	717.401
<b>Tổng</b>	<b>1.018.796.892</b>	<b>728.747.715</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.024.310	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	54.176	-
<b>Tổng</b>	<b>1.078.486</b>	<b>-</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.406.369.500</b>	<b>2.030.003.000</b>
Chi phí môi giới	1.380.659.500	2.030.003.000
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	25.710.000	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.955.016.337</b>	<b>3.830.215.482</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.071.815.000	1.976.550.000
Thuế phí và lệ phí	1.353.991.103	950.380.680
Chi phí dự phòng	684.306.499	271.421.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.245.300.457	227.463.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	599.603.278	404.399.971
<b>Tổng</b>	<b>7.361.385.837</b>	<b>5.860.218.482</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	796.309.551	-
Thu nhập khác	6.250.651	530.028
<b>Tổng</b>	<b>802.560.202</b>	<b>530.028</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt chậm nộp thuế	8.710.590	1.712.156
Chi phí khác	-	15.171
<b>Tổng</b>	<b>8.710.590</b>	<b>1.727.327</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>793.849.612</b>	<b>(1.197.299)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.060.949.373</b>	<b>1.380.507.045</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	251.600.000	241.760.000
<i>Chi phí không hợp lý</i>	251.600.000	241.760.000
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.312.549.373</b>	<b>1.622.267.045</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	462.509.875	324.453.409
Thuế TNDN được giảm	-	97.336.023
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>462.509.875</b>	<b>227.117.386</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.598.439.498</b>	<b>1.153.389.659</b>
Các khoản điều chỉnh	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>1.598.439.498</b>	<b>1.153.389.659</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	1.215.000	1.215.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>1.316</b>	<b>949</b>

(\*): Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính 2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính 2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**6.9 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.534.570.415	1.405.040.567
Chi phí nhân công	16.977.718.871	20.206.406.404
Chi phí khấu hao	613.952.056	646.318.536
Chi phí dự phòng	684.306.499	1.067.731.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.081.688.643	19.110.579.032
Chi phí khác bằng tiền	5.323.880.718	4.453.491.269
	<b>46.216.117.202</b>	<b>46.889.566.929</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Chủ sở hữu Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolime	Công ty mẹ
Công ty Tin học Viễn Thông	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Công ty cổ phần XNK Petrolimex	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Petrolimex	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Công ty cổ phần Thiết bị xăng dầu Petrolimex	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Các công ty con khác cùng tập đoàn Petrolimex	Cùng tập đoàn
Công ty Xăng dầu Khu vực 1	Cùng tập đoàn
CN XD Vĩnh Phúc	Cùng tập đoàn
Cty XD Khu vực II TNHHMTV	Cùng tập đoàn
XN Bán lẻ Xăng Dầu	Cùng tập đoàn
Tổng kho XD Nhà Bè	Cùng tập đoàn
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu B12	Cùng tập đoàn
XN Xăng Dầu K131	Cùng tập đoàn
Xí nghiệp kho vận XD K130	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Hà Bắc	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Phú Thọ	Cùng tập đoàn
Chi nhánh xăng dầu Hưng Yên	Cùng tập đoàn
CNXD Lạng Sơn	Cùng tập đoàn
CTXD Hà Nam Ninh	Cùng tập đoàn
CNXD Hà Nam	Cùng tập đoàn
CTXD Thanh Hóa	Cùng tập đoàn
CTXD Nghệ An	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Bình Định	Cùng tập đoàn
CtTNHH MTV XD Tây Nam Bộ	Cùng tập đoàn
Cty TNHHMTV XD Bà Rịa VT	Cùng tập đoàn
CN XD Bình Thuận	Cùng tập đoàn
CTTNHH XD Bắc Tây Nguyên	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Yên Bái	Cùng tập đoàn
CT TNHH MTV XD Thái Bình	Cùng tập đoàn
Cty XD Vĩnh Long	Cùng tập đoàn
Cty TNHH MTV XD Trà Vinh	Cùng tập đoàn
CT XD Tuyên Quang	Cùng tập đoàn
Cty XD Tiền Giang	Cùng tập đoàn
Cty TNHH MTV XD Bến Tre	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Hà Giang	Cùng tập đoàn
Cty XD Tây Ninh	Cùng tập đoàn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Danh sách các bên liên quan (Tiếp theo)*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty xăng dầu Sông Bé	Cùng tập đoàn
Chi nhánh XD Bình Phước	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex	Cùng tập đoàn
Cty TNHH MTV XD An Giang	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Long An	Cùng tập đoàn
Công ty XD Đồng Nai	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Đồng Tháp	Cùng tập đoàn
Cty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	Cùng tập đoàn
Cty CPTM DV Cái Bè	Cùng tập đoàn
Cty TNHH XD Kiên Giang	Cùng tập đoàn
Sài Gòn Công ty TNHH MTV PCC1 Sài Gòn	Cùng tập đoàn
CTCP TVCN-XD Petrolimex	Cùng tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

*Giao dịch với nhân sự chủ chốt*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Lương và thù lao của HĐQT, BGD, BKS và người quản lý khác	Lương và thù lao	2.980.286.851	2.562.299.527

*Chi tiết như sau:*

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
<b>HĐQT và Ban Giám đốc</b>		<b>2.323.026.948</b>	<b>2.033.720.728</b>
Ông Dương Đức Toàn	Chủ tịch HĐQT	636.000.000	600.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT, Giám đốc	612.000.000	576.000.000
Ông Hà Dương Thanh	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	456.000.000	432.000.000
Ông Vũ Cường	Thành viên HĐQT	91.200.000	86.400.000
Ông Dương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (tiền lương)	527.826.948	339.320.728
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>483.469.958</b>	<b>528.578.799</b>
Bà Vũ Thị Ngọc Thoa	Trưởng ban	216.000.000	216.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên	215.869.958	257.138.799
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	51.600.000	55.440.000
<b>Người được ủy quyền công bố thông tin</b>		<b>173.789.945</b>	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa		173.789.945	-
<b>Tổng</b>		<b>2.980.286.851</b>	<b>2.562.299.527</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Số dư với các bên có liên quan*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>01/01/2022 VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>3.491.491.589</b>	<b>8.474.528.016</b>
Công ty xăng dầu Hà Giang	Cùng tập đoàn	993.144.298	1.562.480.083
Công ty xăng dầu Yên Bái	Cùng tập đoàn	211.676.900	858.226.500
Công ty xăng dầu Bắc Thái	Cùng tập đoàn	9.150.000	9.150.000
Công ty xăng dầu Phú Thọ	Cùng tập đoàn	239.574.400	-
Công ty xăng dầu KV1	Cùng tập đoàn	5.000.000	331.334.000
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	Cùng tập đoàn	14.137.800	14.137.800
Chi nhánh XD Vĩnh Phúc	Cùng tập đoàn	-	647.366.000
Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	Cùng tập đoàn	6.658.300	6.658.300
Chi nhánh XD Hoà Bình	Cùng tập đoàn	6.383.129	6.383.129
Công ty xăng dầu KVIII	Cùng tập đoàn	48.025.781	48.025.781
Công ty xăng dầu Thái Bình	Cùng tập đoàn	1.551.364	1.551.361
Công ty xăng dầu B12	Cùng tập đoàn	91.685.066	-
Xí nghiệp kho vận XD K130	Cùng tập đoàn	10.200.000	32.900.000
Chi nhánh xăng dầu Hưng Yên	Cùng tập đoàn	14.075.060	14.075.060
Công ty xăng dầu Nghệ An	Cùng tập đoàn	-	181.724.698
Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Cùng tập đoàn	16.600.000	332.222.000
Công ty xăng dầu Tây Ninh	Cùng tập đoàn	11.836.703	1.402.175.429
Công ty xăng dầu Sông Bé	Cùng tập đoàn	105.965.415	-
Công ty xăng dầu Đồng Nai	Cùng tập đoàn	272.553.104	-
Công ty xăng dầu KVII - TNHH MTV	Cùng tập đoàn	651.551.951	914.398.113
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	Cùng tập đoàn	35.839.791	12.403.391
Xí nghiệp DVXL&TM Sài Gòn	Cùng tập đoàn	-	25.715.760
Công ty xăng dầu Tiền Giang	Cùng tập đoàn	315.305.000	1.769.402.000
Công ty xăng dầu Đồng Tháp	Cùng tập đoàn	141.697.000	-
Công ty xăng dầu Vĩnh Long	Cùng tập đoàn	71.521.656	-
Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng tập đoàn	16.854.989	-
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Cùng tập đoàn	31.900.000	31.900.000
CTY TNHH xăng dầu Kiên Giang	Cùng tập đoàn	-	264.112.911
Cty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	Cùng tập đoàn	160.418.182	-
XN cơ khí và xl x/dầu- CtyCPTBXD Petrolimex	Cùng công ty mẹ	8.185.700	8.185.700

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư với các bên có liên quan (Tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>01/01/2022 VND</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>15.572.544</b>	<b>15.572.544</b>
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng tập đoàn	15.572.544	15.572.544
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>874.129.125</b>	<b>2.306.452.032</b>
Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	Cùng tập đoàn	20.400.000	20.400.000
Công ty xăng dầu B12	Cùng tập đoàn	-	247.435.298
Công ty xăng dầu Hà Bắc	Cùng tập đoàn	-	75.042.600
Công ty CP Hóa dầu Petrolimex	Cùng tập đoàn	228.941.530	85.961.530
Công ty TNHH nhựa đường	Cùng tập đoàn	205.666.304	313.066.303
Công ty xăng dầu Thái Bình	Cùng tập đoàn	-	3
Công ty xăng dầu Bến Tre	Cùng tập đoàn	8.557.000	8.557.000
Công ty mẹ - Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	122.727.000	170.577.000
Công ty CP nhiên liệu bay Petrolimex	Cùng tập đoàn	-	1.229.800.000
Công ty TNHH MTV xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	Cùng tập đoàn	97.367.691	97.367.691
Công ty xăng dầu Đồng Nai	Cùng tập đoàn	-	28.244.607
Công ty CP Xây lắp 1	Cùng tập đoàn	-	30.000.000
Chi nhánh xăng dầu Hà Nam	Cùng tập đoàn	13.942.000	-
Công ty xăng dầu Nghệ An	Cùng tập đoàn	96.527.600	-
Công ty CP VT & DV Petrolimex Sài Gòn	Cùng tập đoàn	80.000.000	-
<b>Phải trả khác</b>		<b>80.394.000</b>	<b>41.610.000</b>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	80.394.000	41.610.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Giao dịch với các bên liên quan*

<b>Giao dịch</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
<b>Mua hàng</b>		-	<b>30.666.000</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolime	Công ty mẹ	-	30.666.000
<b>Bán hàng</b>		<b>21.155.405.044</b>	<b>25.287.928.544</b>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	806.902.357	-
Công ty Xăng dầu Khu vực 1	Cùng tập đoàn	-	2.310.693.637
CN XD Vĩnh Phúc	Cùng tập đoàn	-	588.514.546
Cty XD Khu vực II TNHHMTV	Cùng tập đoàn	2.277.534.340	857.675.118
XN Bán lẻ Xăng Dầu	Cùng tập đoàn	-	23.377.964
Tổng kho XD Nhà Bè	Cùng tập đoàn	108.501.852	348.699.807
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	Cùng tập đoàn	898.189.770	200.592.053
Công ty xăng dầu B12	Cùng tập đoàn	811.818.182	672.140.454
XN Xăng Dầu K131	Cùng tập đoàn	-	5.330.000
Xí nghiệp kho vận XD K130	Cùng tập đoàn	122.506.244	476.021.927
Công ty xăng dầu Hà Bắc	Cùng tập đoàn	704.218.468	83.467.273
Công ty xăng dầu Phú Thọ	Cùng tập đoàn	713.630.910	-
Chi nhánh xăng dầu Hưng Yên	Cùng tập đoàn	78.458.382	-
CNXD Lạng Sơn	Cùng tập đoàn	-	47.863.740
CTXD Hà Nam Ninh	Cùng tập đoàn	-	656.643.758
CNXD Hà Nam	Cùng tập đoàn	-	111.667.145
CTXD Thanh Hóa	Cùng tập đoàn	527.427.778	594.339.817
CTXD Nghệ An	Cùng tập đoàn	600.000.000	165.204.271
Công ty xăng dầu Bình Định	Cùng tập đoàn	185.145.524	-
CtTNHH MTV XD Tây Nam Bộ	Cùng tập đoàn	37.053.541	219.524.393
Cty TNHHMTV XD Bà Rịa Vũng tàu	Cùng tập đoàn	20.268.519	434.484.315
CN XD Bình Thuận	Cùng tập đoàn	832.265.200	304.060.000
CTTNHH XD Bắc Tây Nguyên	Cùng tập đoàn	-	873.020.000
Công ty xăng dầu Yên Bái	Cùng tập đoàn	1.221.830.912	2.397.568.727
CT TNHH MTV XD Thái Bình	Cùng tập đoàn	-	285.834.909
Cty XD Vĩnh Long	Cùng tập đoàn	1.475.331.183	493.102.849
Cty TNHH MTV XD Trà Vinh	Cùng tập đoàn	242.363.100	349.735.364
CT XD Tuyên Quang	Cùng tập đoàn	-	522.826.364

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)*

<b>Giao dịch</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Cty XD Tiền Giang	Cùng tập đoàn	3.280.757.881	4.157.221.037
Cty TNHH MTV XD Bến Tre	Cùng tập đoàn	98.633.807	256.795.540
Công ty xăng dầu Hà Giang	Cùng tập đoàn	1.186.327.922	2.354.980.555
Cty XD Tây Ninh	Cùng tập đoàn	461.120.960	4.327.450.719
Công ty xăng dầu Sông Bé	Cùng tập đoàn	304.758.959	-
Chi nhánh XD Bình Phước	Cùng tập đoàn	219.878.294	-
Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex	Cùng tập đoàn	362.181.818	-
Cty TNHH MTV XD An Giang	Cùng tập đoàn	3.431.774	462.340.062
Công ty xăng dầu Long An	Cùng tập đoàn	24.980.298	-
Công ty XD Đồng Nai	Cùng tập đoàn	398.845.691	118.141.486
Công ty xăng dầu Đồng Tháp	Cùng tập đoàn	378.531.980	-
Cty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	Cùng tập đoàn	1.953.636.364	178.181.818
Cty CPTM DV Cái Bè	Cùng tập đoàn	88.557.325	90.326.250
Cty TNHH XD Kiên Giang	Cùng tập đoàn		320.102.646
Cty TNHH XD Kiên Giang	Cùng tập đoàn	411.794.800	-
Sài Gòn Công ty TNHH MTV PCC1 Sài Gòn	Cùng tập đoàn	140.630.000	-
CTCP TVCN-XD Petrolimex	Cùng tập đoàn	177.890.909	-
<b>Chi trả cổ tức</b>		<b>557.685.000</b>	<b>805.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolime	Công ty mẹ	557.685.000	805.000.000

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Phía Bắc.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán

Giám đốc

*Phạm Trọng Tĩnh*

*Phạm Trọng Tĩnh*



Phạm Trọng Tĩnh

Phạm Trọng Tĩnh

Nguyễn Thành Nam

